

TRUNG TÂM THÔNG TIN XÚC TIẾN

BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Thực hiện năm 2023	Ghi chú
A	BÁO CÁO TỔNG HỢP				
I	Tổng số đơn vị SNCL	Đơn vị	1	1	
	Trong đó: Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	Đơn vị	1	1	
II	Số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	Đơn vị	-	-	Ghi chú lý do nếu II khác I
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	-	-	
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	-	-	
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	-	-	
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	-	-	
	Chi thu nhập tăng thêm,	Triệu đồng	x		
	Chi khen thưởng, phúc lợi.	Triệu đồng	x		
III	Tổng số người làm việc	Người	35.00	35.00	
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN		35.00	35.00	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng	-	-	
1	Nguồn tài chính		6,688	8,509	
a	Ngân sách nhà nước cấp		6,688	8,509	
	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công		-	-	
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ		3,612	3,890	
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		3,077	4,619	
b	Nguồn thu phí được để lại chi		-	-	
c	Nguồn thu dịch vụ khác		-	-	
d	Nguồn vay nợ, viện trợ		-	-	
e	Nguồn khác		-	-	
2	Sử dụng nguồn tài chính		-	-	
a	Chi từ nguồn NSNN cấp		6,688	8,509	
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công		-	-	
	Trong đó: Quỹ lương		-	-	
	- Chi thường xuyên giao tự chủ		3,612	3,890	

	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>		2,399	2,655	
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		3,077	4,619	
b	Chi phục vụ công tác thu phí		-	-	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>		-	-	
c	Chi hoạt động dịch vụ khác		-	-	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>		-	-	
d	Chi vay nợ, viện trợ		-	-	
e	Chi khác		-	-	
3	Chênh lệch thu chi (1)		-	-	
	Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên	Đơn vị	1	1	
4	Trích lập các Quỹ		425	500	
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		-	-	
b	Quỹ bổ sung thu nhập		147	89	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		278	411	
d	Quỹ khác (2)		-	-	
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			Bình quân
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần quỹ tiền lương	Đơn vị	x		
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần quỹ tiền lương	Đơn vị	x		
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần quỹ tiền lương	Đơn vị	x		
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lquỹ tiền lương trở lên:.... đơn vị.	Đơn vị	x		
-	- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).	Đơn vị	x		
-	- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là... triệu đồng/tháng (tên đơn vị).	Đơn vị	x		
B	BÁO CÁO CHI TIẾT THEO LĨNH VỰC (3)				
B.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo				
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị			
	Trong đó: Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	Đơn vị			
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			

III	Tổng số người làm việc	Người			
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN				
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính				
a	Ngân sách nhà nước cấp				
	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ				
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Nguồn thu phí được để lại chi				
c	Nguồn thu dịch vụ khác				
d	Nguồn vay nợ, viện trợ				
e	Nguồn khác				
2	Sử dụng nguồn tài chính				
a	Chi từ nguồn NSNN cấp				
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Chi phục vụ công tác thu phí				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
d	Chi vay nợ, viện trợ				
e	Chi khác				
3	Chênh lệch thu chi				
	Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Trích lập các Quỹ				
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
b	Quỹ bổ sung thu nhập				
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi				

d	Quỹ khác				
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			
B.2	Lĩnh vực giáo dục dạy nghề				
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị			
	Trong đó: Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	Đơn vị			
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
III	Tổng số người làm việc	Người			
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN				
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính				
a	Ngân sách nhà nước cấp				
	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ				
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Nguồn thu phí được để lại chi				
c	Nguồn thu dịch vụ khác				
d	Nguồn vay nợ, viện trợ				
e	Nguồn khác				
2	Sử dụng nguồn tài chính				
a	Chi từ nguồn NSNN cấp				
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ				

	Trong đó: Quỹ lương				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Chi phục vụ công tác thu phí				
	Trong đó: Quỹ lương				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác				
	Trong đó: Quỹ lương				
d	Chi vay nợ, viện trợ				
e	Chi khác				
3	Chênh lệch thu chi				
	Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Trích lập các Quỹ				
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
b	Quỹ bổ sung thu nhập				
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
d	Quỹ khác				
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			
B.3	Lĩnh vực y tế				
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị			
	Trong đó: Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	Đơn vị			
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
III	Tổng số người làm việc	Người			
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN				
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính				
a	Ngân sách nhà nước cấp				
	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ				
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Nguồn thu phí được để lại chi				

c	Nguồn thu dịch vụ khác				
d	Nguồn vay nợ, viện trợ				
e	Nguồn khác				
2	Sử dụng nguồn tài chính				
a	Chi từ nguồn NSNN cấp				
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	Trong đó: Quỹ lương				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ				
	Trong đó: Quỹ lương				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
b	Chi phục vụ công tác thu phí				
	Trong đó: Quỹ lương				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác				
	Trong đó: Quỹ lương				
d	Chi vay nợ, viện trợ				
e	Chi khác				
3	Chênh lệch thu chi				
	Số đơn vị cơ chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Trích lập các Quỹ				
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
b	Quỹ bổ sung thu nhập				
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
d	Quỹ khác				
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			
B.4	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch		1	1	
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị	1	1	
	Trong đó: Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	Đơn vị	1	1	
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị	1	1	
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	1	
III	Tổng số người làm việc	Người	35	35	
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN		35	35	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính		6,688	8,509	
a	Ngân sách nhà nước cấp	Triệu đồng	6,688	8,509	

	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Triệu đồng			
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng	3,612	3,890	
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	3,077	4,619	
b	Nguồn thu phí được để lại chi	Triệu đồng			
c	Nguồn thu dịch vụ khác				
d	Nguồn vay nợ, viện trợ				
e	Nguồn khác				
2	Sử dụng nguồn tài chính				
a	Chi từ nguồn NSNN cấp	Triệu đồng	6,688	8,509	
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng	3,612	3,890	
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	Triệu đồng	2,399	2,655	
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	3,077	4,619	
b	Chi phục vụ công tác thu phí				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác				
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
d	Chi vay nợ, viện trợ				
e	Chi khác				
3	Chênh lệch thu chi	Triệu đồng			
	Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên	Đơn vị	1	1	
4	Trích lập các Quỹ		425	500	
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
b	Quỹ bổ sung thu nhập		147	89	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	278	411	
d	Quỹ khác				
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			

Ghi chú:

- (1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ.
- (2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.
- (3) Báo cáo chi tiết theo 07 lĩnh vực sự nghiệp (Số liệu tổng mục B khớp đúng với mục A).
- Các ô có dấu "x" không cần điền số liệu.